

Quan hệ giữa đầu tư và tăng trưởng đã được nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đề cập. Tuy nhiên nghiên cứu về đầu tư vốn ngân sách hay đầu tư công, và tác động của nó đến thu hút đầu tư tư nhân (trong và ngoài nước) và tăng trưởng kinh tế chưa được quan tâm nhiều tại VN. Trong khuôn khổ bài báo này, tác giả muốn trình bày một kết quả nghiên cứu thực nghiệm tại TP.HCM về vai trò của đầu tư vốn ngân sách thông qua đo lường tác động trực tiếp và gián tiếp của nó trong thu hút đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế. Kết cấu bài viết gồm hai phần: Phần 1 trình bày quan điểm về đầu tư công và các mô hình lý thuyết đánh giá tác động của đầu tư công đến thu hút đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế; Phần 2 ứng dụng các mô hình lý thuyết để lượng giá tác động của đầu tư công đến thu hút đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế tại TP.HCM.

1. Quan điểm về đầu tư công và mô hình lý thuyết đánh giá tác động của đầu tư công đến thu hút đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế

1.1. Vai trò của nhà nước trong đầu tư công qua các quan điểm

Để thấy rõ vai trò của nhà nước trong đầu tư công, trước tiên hãy xem xét một số quan điểm dưới đây.

Quan điểm của trường phái tân cổ điển. Quan điểm này cho rằng nhà nước không nên can thiệp vào nền kinh tế trong quá trình phân bổ nguồn lực mà sự vận động của thị trường sẽ thực hiện tốt hơn vai trò này. Như đã biết, một trong những ưu điểm của nền kinh tế thị trường là sự phân bổ nguồn lực một cách tự động thông qua “bàn tay vô hình” của thị trường và đầu tư là một trong những hình thức phân bổ nguồn lực đó - phân bổ vốn trong nền kinh tế. Theo quan điểm này thì các doanh nghiệp, với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận cho chính mình, sẽ tìm kiếm những cơ hội đầu tư tốt nhất cho chính mình, và như vậy nhà nước không cần can thiệp để tạo ra một cơ cấu đầu tư hợp lý

cho doanh nghiệp vì bản thân doanh nghiệp là người biết rõ nhất cần phải làm gì để đạt được lợi ích tốt nhất cho chính mình. Vai trò nhà nước trong trường hợp này chỉ nên dừng lại ở mức là cung cấp các hàng hóa công cần thiết cho nền kinh tế phát triển như cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cơ sở hạ tầng xã hội mà nếu để

thị trường tư nhân vận động thì không thể đáp ứng được. Lý thuyết tân cổ điển được xây dựng trên giả định thị trường cạnh tranh hoàn hảo tuy nhiên trên thực tế đây là điều hầu như không thể có được.

Quan điểm ủng hộ sự can thiệp của nhà nước. Quan điểm này cho rằng quá trình tự điều tiết của thị trường sẽ không đem lại kết quả tối ưu mong đợi do việc tồn tại sự không hoàn hảo thị trường đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Hầu hết các

nước đang phát triển đều có nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu nên nếu để tự thân thị trường vận động thì không thể tạo ra sự phát triển công nghiệp mạnh mẽ được. Chuyển dịch cơ cấu là nội dung cơ bản của tiến trình công nghiệp hóa và nhà nước cần phải tạo ra sự khởi động ban đầu để hình thành nên các ngành công nghiệp. Sự can thiệp của nhà nước, nhất là trong việc phân bổ các nguồn lực cho công nghiệp là rất cần thiết. Sở dĩ cần phát triển công nghiệp bởi vì đây là khu vực có thể tăng năng suất lao động nhanh nhất, do hấp thụ nhanh nhất các thành tựu của khoa học kỹ thuật; sản xuất công nghiệp không bị ràng buộc và giới hạn bởi các điều kiện tự nhiên như sản xuất nông nghiệp; sản phẩm công nghiệp có độ co giãn cầu theo thu nhập cao hơn sản phẩm nông nghiệp... Ngoài ra, khi công nghiệp phát triển sẽ kéo theo nông nghiệp phát triển vì công nghiệp sẽ cung cấp máy móc, thiết bị, tiến bộ kỹ thuật... cho nông nghiệp qua đó làm tăng năng suất trong nông nghiệp. Công nghiệp phát triển sẽ là cơ sở để đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ. Tự thân vận động của thị trường trong nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu không thể tạo ra sự phát triển công nghiệp cần thiết, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế gay gắt như ngày nay. Do đó, sự can thiệp

Tác động của đầu tư vốn ngân sách đến thu hút đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế

(Nghiên cứu trường hợp TP.HCM)

GS.TS. NGUYỄN THỊ CÀNH

của nhà nước là hết sức cần thiết. Tuy nhiên sự can thiệp của nhà nước quá mức có thể không hiệu quả và sẽ bóp méo thị trường gây trở ngại cho tiến trình công nghiệp hoá và phát triển kinh tế.

Kinh nghiệm các nước cho thấy sự can thiệp của nhà nước để hình thành nên cơ cấu kinh tế ngành có thể mang lại kết quả tích cực nếu tuân thủ theo một số tiêu thức sau : (1) Mức sinh lợi; (2) Khả năng xuất khẩu; (3) Khả năng tạo ra những ảnh hưởng rộng lớn đối với nền kinh tế (nhất là cơ sở hạ tầng, giáo dục-đào tạo, nghiên cứu, ...); (4) Những ngành mắt xích tạo ra sự liên kết đa ngành.

Dù là các quan điểm khác nhau về đầu tư và tăng trưởng cùng với mức độ can thiệp khác nhau của nhà nước, nhưng đa số các quan điểm đều cho rằng vai trò của nhà nước là cung cấp các hàng hóa công cần thiết cho nền kinh tế phát triển như cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cơ sở hạ tầng xã hội. Hay nói cách khác, chính phủ phải tăng cường đầu tư công vào cơ sở hạ tầng để thúc đẩy thu hút đầu tư của tư nhân vào các ngành sản xuất.

1.2. Cơ sở lý thuyết đánh giá tác động của đầu tư công đến thu hút đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế

Có hai cách tiếp cận đánh giá tác động của đầu tư công đến thu hút đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế. Cách tiếp cận thứ nhất là dựa vào mô hình cân đối liên ngành I-O (Input-Output). Cách tiếp cận thứ hai là dựa vào mô hình kinh tế lượng.

Cách tiếp cận theo mô hình I-O về tác động của đầu tư công đến thu hút đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế. Như đã đề cập, đầu tư của nhà nước là đầu tư chủ yếu vào các ngành cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội. Bảng I-O sẽ cho phép xác định các hệ số tác động liên ngành. Vì vậy, để đánh giá tác động đầu tư của nhà nước phát triển cơ sở hạ tầng thu hút hay thúc đẩy các khu vực doanh nghiệp phát triển các ngành kinh tế khác như thế nào có thể dựa vào bảng cân đối liên ngành I/O. Ta có thể thực hiện việc mô phỏng tác động của tăng đầu tư của nhà nước vào ngành cơ sở hạ tầng (xây dựng cơ sở hạ tầng nằm trong ngành xây dựng theo phân ngành của thống kê VN hiện hành) lên 1% đến thay đổi sản lượng của các ngành sản phẩm khác trong nền kinh tế và sản lượng của nền kinh tế nói chung bằng cách sử dụng bảng cân đối liên ngành I-O. Ở VN đã có các bảng I/O của VN và TP.HCM đã xây dựng năm 1996, điều chỉnh năm 2000 và năm 2005. Nói cách khác, để đánh giá tác động của đầu tư công cho cơ sở hạ tầng đến thu hút

đầu tư vào các ngành sản phẩm khác có thể sử dụng các ma trận hệ số của bảng I-O được tóm lược dưới đây.

Quan hệ cơ bản của bảng I-O được mô tả dưới dạng hàm tuyến tính như sau:

$X = (I - A)^{-1}Y$ với $(I - A)^{-1}$ là ma trận Leontief nghịch đảo có dạng $C = [c_{ij}]_{n \times n}$

$$(Y_1 + Y_2 + \dots + Y_n = \text{GDP})$$

Với $Y_i = 1$ và $Y_1 = \dots = Y_{i-1} = Y_{i+1} = \dots = Y_n = 0$ ta sẽ có:

$$C.Y = \begin{bmatrix} C_{1i} \\ C_{2i} \\ \vdots \\ C_{ni} \end{bmatrix}$$

Điều này có nghĩa là khi tăng lên một đơn vị sử dụng cuối cùng của ngành j (Y_j) thì chi phí toàn phần của sản phẩm ngành 1 cho ngành j là C_{1j} , chi phí toàn phần của sản phẩm 2 cho ngành j là C_{2j} ... và chi phí toàn phần của sản phẩm i là C_{ij} . Do đó $\sum_{i=1}^n C_{ij}$ là chi phí

toàn phần của tất cả các ngành sản phẩm cho một đơn vị sử dụng cuối cùng của ngành j . Vì thế vector $\left(\sum_{i=1}^n C_{1j}, \sum_{i=1}^n C_{2j}, \dots, \sum_{i=1}^n C_{ij}, \dots, \sum_{i=1}^n C_{in} \right)$ là vector chi phí toàn phần cho một đơn vị sử dụng cuối cùng.

Ngoài ra từ ma trận chi phí trung gian trực tiếp A ta có thể biết chi phí gián tiếp cho một đơn vị sử dụng cuối cùng của từng ngành là vector: $\left(\sum_{i=1}^n C_{1j} - \sum_{i=1}^n A_{1j}, \dots, \sum_{i=1}^n C_{in} - \sum_{i=1}^n A_{in} \right)$

Từ đó ta có thể xác định được phải cần bao nhiêu chi phí trực tiếp, bao nhiêu chi phí gián tiếp để tăng một đơn vị sử dụng cuối cùng của từng ngành và của toàn bộ nền kinh tế. Để tính sự thay đổi trong GDP của mỗi ngành sản phẩm ta lấy vector chi phí toàn phần nhân với hệ số giá trị gia tăng/giá trị sản xuất của mỗi ngành sản phẩm (đã tính được từ bảng I-O), khi đó sẽ cho kết quả giá trị GDP tăng thêm trong mỗi ngành sản phẩm.

Hiệu ứng liên kết. Từ bảng I-O, ta cũng có thể tính hiệu ứng liên kết theo khái niệm liên kết do Hirschman đề xuất. Có hai loại liên kết: liên kết thuận (forward linkages) tức là sản phẩm của một ngành X (ngành cơ sở hạ tầng do nhà nước đầu tư, chẳng hạn) được sử dụng để làm nhập lượng cho quá trình sản xuất trong các ngành khác và liên kết ngược (backward linkages) tức là ngành X sử dụng sản phẩm của các ngành khác để làm nhập lượng cho quá trình

sản xuất của mình. Đầu tư trong một ngành cũng có tác động đến đầu tư trong những ngành khác và việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng, các dịch vụ công cộng có hiệu ứng liên kết thuận rất lớn bởi vì các sản phẩm của nó hầu như được mọi ngành khác sử dụng trong quá trình sản xuất. Để thấy được tầm quan trọng của khu vực các ngành công nghiệp chế biến và xây dựng-khu vực I (bao gồm cả cơ sở hạ tầng kỹ thuật) ta hãy tính các mối liên kết thuận và liên kết ngược của ba khu vực kinh tế dựa trên bảng I-O của TP.HCM năm 1996-2000.

Bảng 1: Liên kết thuận, ngược theo khu vực ngành kinh tế

Khu vực ngành kinh tế (sản phẩm)	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III	Liên kết thuận
Khu vực I	1,17	0,15	0,05	1,37
Khu vực II	0,55	2,19	0,62	3,36
Khu vực III	0,12	0,17	1,21	1,50
Liên kết ngược	1,84	2,51	1,88	

Nguồn : Tính từ bảng I-O TP.HCM 1996 (điều chỉnh năm 2000)

Từ bảng trên ta có thể thấy rằng khu vực II (tức khu vực các ngành công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng) có các mối liên kết thuận và ngược đều cao hơn nhiều so với hai khu vực còn lại, đặc biệt là mối liên kết thuận tức là khả năng cung ứng sản phẩm làm đầu vào cho các ngành của khu vực I (các ngành khai thác) và khu vực III (các ngành thương mại dịch vụ) của các ngành thuộc khu vực II là rất lớn. Điều này nói lên rằng đầu tư vào các ngành khu vực II, đặc biệt là ngành xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật có tác động lôi kéo và thúc đẩy đầu tư các ngành thuộc các khu vực khác.

Từ bảng I-O ta cũng có thể tính toán được mối quan hệ liên ngành giữa đầu tư và tăng trưởng thông qua ma trận hệ số chi phí toàn phần và ma trận đường chéo. Tổng theo cột (tức là liên kết ngược) của ma trận hệ số chi phí toàn phần hay ma trận Leontief nghịch đảo $(I - A)^{-1}$ cho ta biết rằng để tạo ra một đồng GDP của một ngành cụ thể thì phải cần bao nhiêu đồng tổng chi phí toàn phần (tức tổng đầu tư) của tất cả các ngành sản phẩm khác và kể cả chính nó. Giá trị đường chéo của ma trận hệ số chi phí từng phần cho ta biết được hệ số chi phí từng phần của từng ngành sản phẩm (tức là đầu tư cho chính ngành sản phẩm đó). Hiệu số của hai giá trị trên cho ta biết rằng để tạo ra được một đồng GDP của một ngành thì cần phải thu hút bao nhiêu đồng đầu tư từ tất cả những ngành sản phẩm còn lại trong nền kinh tế. Tỷ lệ của giá trị hiệu

số này so với giá trị hệ số chi phí toàn phần càng lớn thì càng chứng tỏ ngành sản phẩm đó càng có tác động thúc đẩy mạnh mẽ các ngành khác cùng tăng trưởng. Ngành xây dựng (kể cả cơ sở hạ tầng) là một trong những ngành có tác động thúc đẩy mạnh mẽ nhất. Mục 2 dưới đây sẽ mô phỏng tác động của việc tăng đầu tư công thông qua đầu tư cơ sở hạ tầng đến tăng trưởng từng ngành sản phẩm nói riêng, và đến tăng trưởng kinh tế chung cũng như tác động thu hút đầu tư đối với các ngành sản phẩm khác trên địa bàn TP.HCM.

Cách tiếp cận theo mô hình kinh tế lượng về tác động của đầu tư công đến thu hút đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế. Lịch sử phát triển các học thuyết kinh tế cho thấy các nhà kinh tế học vẫn còn đang tranh cãi rất nhiều về các nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế nhưng họ đều

đồng ý với nhau ở một điểm: vốn (capital) là nhân tố quan trọng nhất đối với tăng trưởng kinh tế. Theo mục đích của bài viết này, ta hãy xét mô hình tăng trưởng kinh tế đơn giản, trong đó tốc độ tăng trưởng kinh tế (g) phụ thuộc vào hai nhân tố: tỷ lệ đầu tư (hay tiết kiệm) (I) và tỷ suất sinh lợi từ đầu tư (r).

$$(1) \quad g = rI$$

Chi ngân sách cho cơ sở hạ tầng đều có những tác động tích cực cũng như tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Chi ngân sách nói chung có ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế là vì nguồn tài trợ cho chi ngân sách được tạo nên chủ yếu từ thuế (T), mà thuế càng cao thì càng có ảnh hưởng tiêu cực đến tiết kiệm tư nhân, tiết kiệm giảm làm đầu tư giảm và vì vậy làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế. Giả sử chi tiêu chính phủ (G) được tài trợ bằng một mức thuế suất đồng nhất (t) thì lúc này tốc độ tăng trưởng kinh tế là:

$$(2) \quad g = r(1-t)I$$

Chi ngân sách, bên cạnh đó, cũng có những ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng thông qua tỷ suất sinh lợi đầu tư (r) tăng lên do việc phát triển cơ sở hạ tầng cũng như dịch vụ công đã giúp cho môi trường đầu tư trở nên thuận lợi, dễ dàng hơn, có thể giảm được đáng kể chi phí đầu tư và vì vậy hiệu quả đầu tư cao hơn. Và khi tỷ suất sinh lợi đầu tư càng cao lên thì càng khuyến khích khu vực tư nhân tiết kiệm để đầu tư với một tỷ trọng nhiều hơn trong tổng thu nhập của mình; và như vậy, chi tiêu chính phủ đã thúc đẩy tiết kiệm

và đầu tư. Hai ảnh hưởng trên bù trừ lẫn nhau và ảnh hưởng cuối cùng đến tăng trưởng tích cực hay tiêu cực tùy thuộc vào ảnh hưởng nào mạnh hơn. Thuế suất càng cao thì càng có ảnh hưởng tiêu cực đến tiết kiệm và đầu tư tư nhân trong khi tỷ lệ chi đầu tư cơ sở hạ tầng trong chi tiêu chính phủ càng cao thì càng có ảnh hưởng tích cực đến tỷ suất sinh lợi đầu tư và vì vậy càng có ảnh hưởng thúc đẩy mạnh mẽ đối với đầu tư tư nhân.

Thực tế đã có nhiều nghiên cứu về tác động của đầu tư công đến tăng trưởng kinh tế ở các nước phát triển và hầu hết đều cho kết luận rằng trong dài hạn thì đầu tư công có tác dụng thúc đẩy đầu tư tư nhân và qua đó có ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng kinh tế hơn là tác dụng lấn át. Auschauer (1989), trong nghiên cứu về nước Mỹ đã đưa ra kết luận rằng đầu tư công làm gia tăng tỷ suất sinh lợi đầu tư và nhờ đó tạo ra được một mức đầu tư cao hơn. Ông cũng chứng minh được rằng trong dài hạn thì ảnh hưởng thúc đẩy của đầu tư công đối với đầu tư tư nhân sẽ lớn hơn nhiều so với ảnh hưởng lấn át và do vậy có ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng kinh tế.

2. Tình hình đầu tư vốn ngân sách (đầu tư công) và tác động của đầu tư công đến thu hút đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế trên địa bàn TP.HCM

2.1. Đôi nét về tăng trưởng kinh tế và thu-chi ngân sách trên địa bàn

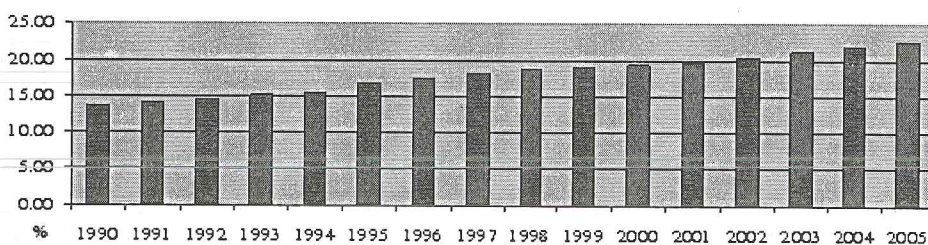
TP.HCM là một trong các trung tâm kinh tế của cả nước, có quy mô kinh tế lớn nhất và có đóng góp nhiều cho quốc gia không những về tăng trưởng GDP mà còn tạo ra các nguồn thu ngân sách lớn, và các khoản chi, đặc biệt là chi đầu tư phát triển đã có đóng góp nhất định cho thu hút đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế của thành phố và các tỉnh lân cận trong thời gian qua.

Trên 20 năm thực hiện chính sách đổi mới,

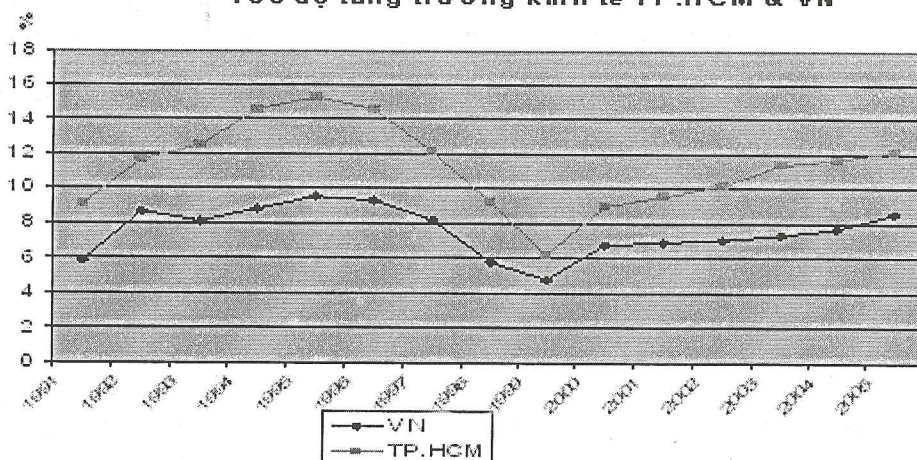
TP.HCM là một trong các địa phương năng động đã vận dụng chính sách đổi mới của Đảng, Nhà nước một cách sáng tạo và thu được những kết quả phát triển đáng khích lệ. Đóng góp của TP.HCM qua số liệu thống kê cho thấy tốc độ tăng trưởng của TP.HCM luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng của cả nước, và vì vậy mức độ đóng góp cho GDP cả nước ngày càng cao, từ 13,63% năm 1990, lên 16,67% năm 1995, 19,28% năm 2000 và 22,61% năm 2005.

Các biểu đồ dưới đây sẽ mô tả một cách tổng quan nhất về tình hình phát triển kinh tế TP.HCM hơn 15 năm và những đóng góp của kinh tế TP.HCM cho kinh tế cả nước.

Hình 1 Tỷ trọng GDP của TP.HCM so với VN (%)



Hình 2 Tốc độ tăng trưởng kinh tế TP.HCM & VN



Tình hình chi ngân sách và xu hướng cơ cấu các khoản chi

Với các qui định theo Luật ngân sách hiện hành, trong những năm qua tại TP.HCM quản lý nguồn thu ngân sách nhà nước cũng được hình thành theo hai nguồn đó là thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu ngân sách nhà nước địa phương. Nhìn chung, các khoản thu được để lại cho ngân sách địa phương 100% tại TP.HCM tương đối lớn so với các tỉnh, như tiền sử dụng đất, cho thuê đất trên 3%, tới trên 5% tổng thu trên địa bàn mỗi năm, lệ phí trước bạ từ 1,3-1,5% trên

tổng nguồn thu trên địa bàn, các loại lệ phí giao thông và các loại phí khác... Do có lợi thế về các nguồn thu, nên qui mô ngân sách và tỷ trọng chi ngân sách địa phương của TP.HCM đều có xu hướng tăng mạnh, đặc biệt tăng cao trong hai năm 2005-2006 so với các năm trước (xem Bảng 2). Bảng 2 dưới đây phản ánh số liệu về cơ cấu nguồn thu và cơ cấu các khoản chi ngân sách nhà nước địa phương.

Chi đầu tư phát triển (cơ sở hạ tầng kỹ thuật) luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi cân đối ngân sách địa phương TP.HCM. Tuy nhiên tỷ trọng chi đầu tư phát triển có xu hướng giảm trong các năm gần đây, từ 56,5-62,1% ở năm 2002-2003 đã giảm xuống 43% ở năm 2006. Nguyên nhân giảm tỷ trọng chi đầu tư phát triển là do khoản chi trả vốn nợ và lãi vay tăng cao.

2.2. Thực trạng đầu tư vốn ngân sách (đầu tư công) trên địa bàn TP.HCM

Vốn đầu tư từ ngân sách trong 16 năm 1991-2006 ước thực hiện được khoảng 50.000 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng bình quân hàng năm 16,7%, trong đó bình quân hàng năm thời kỳ 1991-2006, ngân sách đã đầu tư trên 10% cho lĩnh vực giao thông, điện, cấp thoát nước, giáo dục, y tế, nhà ở, vệ sinh môi trường, công trình phúc lợi công cộng ... để phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế và cải thiện điều kiện sống cho dân.

Mức thực hiện vốn đầu tư từ ngân sách nêu trên đã phần nào ngăn chặn được tình trạng xuống cấp và cải thiện cơ sở hạ tầng tạo điều kiện cho phát triển kinh tế-xã hội của thành phố. Nhiều công trình hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả tốt, làm thay đổi bộ mặt của thành phố: chương trình giải tỏa tái định

Bảng 2: Cơ cấu chi ngân sách nhà nước địa phương TP.HCM giai đoạn 2002-2006

Số TT	Cơ cấu thu-chi ngân sách địa phương theo năm	2002	2003	2004	2005	2006
A	Tổng thu (tỷ đồng)	10.322,1	14.661,8	17.496,8	23.434,6	24.995,3
B	Tổng chi (tỷ đồng)	9.373,4	13.099,2	15.540,1	21.324,1	22.421,8
	Cơ cấu các khoản chi (%)	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
1	Chi cân đối trong ngân sách ĐP	88,0	86,5	90,0	75,8	74,4
2	Chi để lại cho đơn vị	12,0	13,5	9,9	10,5	10,3
3	Chi khác	0	0	1,0	13,7	15,3
	Trong chi cân đối NSĐP gồm:					
1.1	Chi đầu tư phát triển (%)	56,5	62,1	46,2	55,4	43,0
1.2	Chi thường xuyên (%)	43,5	36,9	35,3	37,8	42,3
	Trong chi thường xuyên có (%):					
1.2.1	Chi sự nghiệp giáo dục	9,8	9,0	6,3	8,9	10,1
1.2.2	Chi sự nghiệp y tế	5,6	4,7	4,0	4,4	5,8
1.3	Chi trả vốn và lãi vay (%)	0,0	1,1	18,5	6,8	14,7

Nguồn, Niên giám thống kê TP.HCM, năm 2006

Chi cho giáo dục, y tế (cơ sở hạ tầng xã hội), và quản lý hành chính là các khoản chi lớn trong chi thường xuyên. Cơ cấu chi cho sự nghiệp giáo dục năm 2006 cao hơn năm 2002 không nhiều (10,1% và 9,8% tổng chi ngân sách địa phương), và tỷ trọng chi cho giáo dục giảm mạnh ở năm 2004 (6,3%). Cơ cấu chi tiêu cho sự nghiệp y tế cũng diễn biến xu hướng tương tự, cao ở năm 2002 (5,6%), giảm xuống ở ba năm tiếp theo (4% năm 2004), sau đó tăng lên 5,8% tổng chi ngân sách địa phương ở năm 2006. Như vậy, dù cơ cấu chi ngân sách cho đầu tư phát triển có giảm, nhưng qui mô chi cho đầu tư phát triển tại TP.HCM ngày càng tăng.

cư và xây dựng hạ tầng dọc kênh Nhiều Lọc- Thị Nghè, cải tạo phát triển mạng lưới điện và điện khí hóa các xã ngoại thành, chương trình nước sạch nông thôn, một số nút giao thông (Hàng Xanh, Phú Lâm, Nguyễn Tri Phương, đường 3/2, Ông Ích Khiêm-Âu Cơ, Cầu Chông, chân cầu Sài Gòn...) được cải tạo mở rộng đã góp phần giải tỏa được tình trạng thường xuyên ùn tắc giao thông, nhiều cầu, đường được xây dựng và sửa chữa nâng cấp giúp cho việc giao lưu kinh tế và đi lại của nhân dân được thuận lợi, hàng ngàn phòng học được xây dựng và sửa chữa đưa vào sử dụng đã góp phần ngăn chặn được tình trạng học ca 3 và giải quyết số lượng học sinh tăng thêm hàng năm,

nhiều bệnh viện trung tâm chuyên khoa, cơ sở y tế đã được đầu tư nâng cấp về cơ sở vật chất và trang thiết bị nhằm tăng thêm số giường bệnh và nâng cao chất lượng khám, điều trị... Kết quả đầu tư trong nước phân theo nguồn vốn được phản ánh qua Bảng 3 và Hình 3 dưới đây.

lượng để đánh giá tác động của đầu tư công qua đầu tư vào cơ sở hạ tầng đến thu hút đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế.

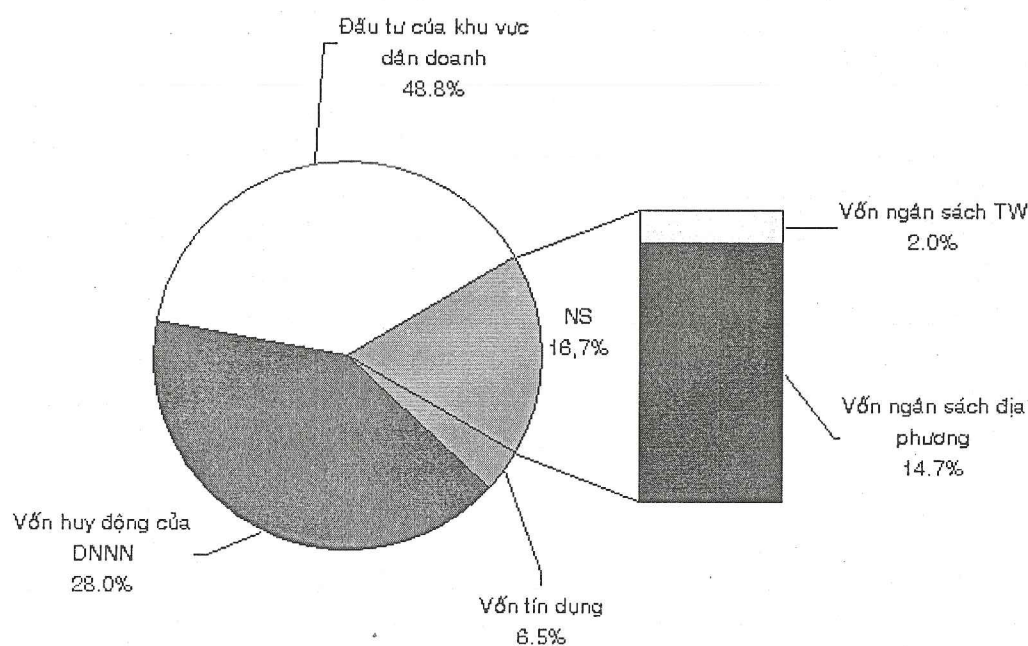
2.3. Áp dụng các mô hình đánh giá tác động của đầu tư công cộng (vốn ngân sách) thông qua đầu tư cơ sở hạ tầng đến thu hút đầu tư tư nhân

Bảng 3: Cơ cấu đầu tư trong nước theo nguồn vốn (1991-2006)

	ĐT từ nguồn vốn ngân sách		ĐT từ nguồn vốn tín dụng		ĐT từ nguồn vốn của DNNN		ĐT của khu vực dân doanh	
	Tổng số (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Tổng số (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Tổng số (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Tổng số (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
1991	262	9,5	-	-	1921	69,3	589	21,2
1995	1050	13,2	-	-	4301	54,1	2605	32,7
2000	2994	21,1	1107	7,8	4518	31,8	5586	39,3
2001	3727	18,5	857	4,3	5819	28,9	9755	48,4
2002	5526	23,7	889	3,8	6388	27,5	10471	45,0
2006	9474	17,0	6606	11,9	5519	9,9	34062	61,2
1991-2006	23696	16,7	4901	6,5	57987	28,0	54789	48,8

Nguồn: Cục Thống kê TP.HCM, Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.HCM.

Hình 3: Cơ cấu đầu tư trong nước theo nguồn vốn bình quân (1991-2006)



và tăng trưởng từ số liệu thống kê TP.HCM

Như đã đề cập, để đánh giá tác động đầu tư của nhà nước phát triển cơ sở hạ tầng thu hút hay thúc đẩy các khu vực doanh nghiệp phát triển các ngành khác như thế nào phải dựa vào bảng cân đối liên ngành I/O. Đánh giá tác động của việc tăng đầu tư vào ngành cơ sở hạ tầng TP.HCM (hiện nay nằm trong ngành xây dựng

Theo số liệu Bảng 3 thì vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội trên địa bàn TP.HCM từ nguồn ngân sách nhà nước tăng qua các năm cả về qui mô và cơ cấu trong tổng đầu tư xã hội. Nguồn vốn đầu tư này đã kéo theo tăng đầu tư của các doanh nghiệp vào nền kinh tế, đặc biệt là thu hút mạnh đầu tư tư nhân. Để thấy rõ được vai trò của đầu tư công dưới đây sẽ vận dụng mô hình I-O và mô hình kinh tế

theo phân ngành của thống kê hiện hành) lên 1% đến sự thay đổi sản lượng của các ngành sản phẩm trong nền kinh tế và sản lượng của nền kinh tế nói chung bằng cách sử dụng bảng I-O của TP.HCM năm 2000 và các ma trận hệ số. Số liệu từ bảng I-O của TP.HCM được xây dựng có 44 ngành sản phẩm (nhóm sản phẩm). Từ bảng I-O này, chúng tôi tính toán các hệ số liên kết theo mô hình lý thuyết trình bày ở phần trên

được phản ánh qua Bảng 4 dưới đây.

Ngoài ra, cơ sở hạ tầng còn tạo ra ngoại tác tích cực

Bảng 4 :Kết quả tính tăng thêm 1 đồng (hay 1%) đầu tư công vào ngành cơ sở hạ tầng sẽ làm tăng chi phí (đầu tư) và tăng GDP của các ngành khác

Mã ngành I-O	Ngành sản phẩm	Chi phí toàn phần (đồng)	Hệ số VA/GTSX	GDP (%)
30	Xây dựng	1,00000	0,325	0,32513
06	Công nghiệp khai thác	0,21616	0,520	0,11233
15	Các SP thủy tinh, giấy, vật liệu xây dựng	0,43430	0,220	0,09556
16	KL đen và SP bằng KL đen đúc sẵn	0,15035	0,405	0,06087
31	Thương nghiệp	0,07873	0,559	0,04402
27	Sản xuất và phân phối điện	0,27608	0,159	0,04385
24	Máy móc thiết bị điện	0,15120	0,251	0,03792
01	Trồng trọt	0,01215	0,773	0,00939
09	Dệt	0,01996	0,297	0,00592
19	Máy móc thông dụng	0,02107	0,263	0,00554
....				
44	Hiệp hội	0,00000	0,617	0,00000
	Tổng cộng	3,32640	0,485	0,03547

Nguồn: Tính từ Bảng I-O TP.HCM năm 2000

Cột thứ 5 của bảng 4 là cột GDP thể hiện kết quả mô phỏng của việc tăng thêm 1% đầu tư vào cơ sở hạ tầng có tác động như thế nào đối với tổng GDP của TP.HCM nói chung và của 44 ngành sản phẩm khác nói riêng. Qua bảng trên ta thấy rằng việc tăng 1% đầu tư vào cơ sở hạ tầng đã làm cho GDP của Thành phố tăng 0,035% (sử dụng số liệu GDP năm 2000). Việc tăng đầu tư vào cơ sở hạ tầng đã làm tăng GDP của hầu hết các ngành sản phẩm. Cột 4 thể hiện hệ số giá trị gia tăng (VA) của ngành trên giá trị sản xuất (GTSX), hệ số trung gian tính mối quan hệ giữa tổng đầu tư (ma trận chi phí toàn phần) và GDP theo mô hình lý thuyết.

Cột thứ 3 của Bảng 4 là cột chi phí toàn phần thể hiện tác động thu hút đầu tư từ các ngành sản phẩm khác từ việc tăng thêm 1 đồng đầu tư vào ngành xây dựng gồm cả cơ sở hạ tầng. Kết quả mô phỏng cho thấy việc tăng thêm 1 đồng đầu tư cho cơ sở hạ tầng đã thu hút được 2,3264 đồng đầu tư từ các ngành sản phẩm khác. Như vậy để tạo ra được một đồng GDP của ngành xây dựng cơ sở hạ tầng thì cần phải đầu tư tổng cộng 3,3264 đồng, trong đó đầu tư cho chính ngành này là 1 đồng và thu hút đầu tư từ các ngành khác là 2,3264 đồng, nghĩa là 70% đầu tư ngành cơ sở hạ tầng là thúc đẩy lôi kéo đầu tư vào các ngành khác. Từ đó ta thấy rằng việc tăng cường đầu tư cho ngành xây dựng cơ sở hạ tầng có tác động rất lớn trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tăng thu hút đầu tư tư nhân vào các ngành sản phẩm khác.

là tạo môi trường thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư khác. Kết quả thực hiện đầu tư xã hội trên địa bàn TP.HCM trong năm 2006-2007 qua số liệu thống kê cũng cho thấy cứ đầu tư 1 đồng từ vốn ngân sách nhà nước sẽ thu hút tương ứng khoảng trên 15 đồng đầu tư của tư nhân trong và ngoài nước. Đầu tư của tư nhân trong và ngoài nước tăng một phần là do

có chính sách đổi mới, khuyến khích phát triển các khu vực kinh tế ngoài nhà nước, nhưng một phần nhờ có cơ sở hạ tầng phát triển. Do TP.HCM có ưu thế về cơ sở hạ tầng nên so với cả nước, TP. HCM cũng là nơi thu hút nhiều vốn đầu tư tư nhân và nước ngoài nhiều nhất (chiếm trên 30% số vốn và dự án so với cả nước). Số liệu Bảng 3 cũng cho thấy, tỷ trọng đầu tư của khu vực dân doanh (tư nhân trong nước tăng dần qua các năm và đến năm 2006 chiếm tới 61,2% tổng đầu tư trong nước.

Như vậy cơ sở hạ tầng là hàng hóa công do Nhà nước đầu tư cung cấp là một trong những ngành có tác động thúc đẩy đầu tư phát triển của các ngành khác mạnh nhất. Mặt khác, do ngành cơ sở hạ tầng mang lại hiệu quả tài chính thấp không hấp dẫn đầu tư tư nhân nên vai trò của Nhà nước là phải cung cấp đầu tư cho cơ sở hạ tầng.

3. Mối quan hệ giữa đầu tư công và tăng trưởng kinh tế qua mô hình kinh tế lượng

Theo cách tiếp cận mô hình kinh tế lượng, giáo sư James Riedel (ĐH John Hopkins Hoa Kỳ) cũng khẳng định nhận định trong báo cáo "Vai trò của Nhà nước và thị trường trong nền kinh tế VN" (Hà Nội tháng 2 năm 2000). Trong phần nghiên cứu của mình về vai trò của đầu tư công đến tăng trưởng kinh tế, ông lập luận rằng ảnh hưởng của chi cơ sở hạ tầng đến tăng trưởng được vận hành thông qua tỷ suất sinh lợi đầu tư (nghĩa là ảnh hưởng gián tiếp) hơn là ảnh hưởng

trực tiếp đến đầu tư. Theo đó thì cơ sở hạ tầng mới, tốt hơn không nâng cao được mức tăng trưởng trừ phi ảnh hưởng tích cực của chi cơ sở hạ tầng khuyến khích các chủ thể kinh tế đầu tư. Do đó, ông kiểm định ảnh hưởng tích cực của đầu tư công vào cơ sở hạ tầng thông qua việc kiểm định trực tiếp tỷ suất sinh lợi từ đầu tư thay vì kiểm định trực tiếp tốc độ tăng trưởng kinh tế. Sử dụng phương pháp hồi qui bình phương bé nhất (OLS) cho mẫu gồm 61 quan sát, kết quả cho thấy tỷ trọng chi ngân sách cho đầu tư đã có ảnh hưởng tích cực đến tỷ suất sinh lợi đầu tư.

$$r = 14,11 + 0,62g_x - 0,11ERD + 0,36 G_1/G - 0,51G_2/G - 9,58dummy$$

(2,38) (2,06) (-3,43) (2,58) (-1,32) (-3,19)

R² hiệu chỉnh: 0,46; Sai số chuẩn: 10,16; Trị số thống kê F: 11,15; Số trong ngoặc đơn là trị số thống kê T; r: tỷ suất sinh lợi bình quân thập niên; g_x: tốc độ tăng trưởng xuất khẩu; ERD: chênh lệch tỷ giá hối đoái thị trường chợ đen; G₁/G: tỷ trọng chi đầu tư trong tổng chi ngân sách; G₂/G: tỷ trọng chi ngân sách cho giáo dục trong tổng chi ngân sách; dummy: biến giả cho Châu Mỹ Latinh.

Sau đó ông tiếp tục thực hiện việc hồi qui tỷ lệ đầu tư trên tổng sản phẩm (I/Y) theo tỷ suất sinh lợi từ đầu tư (r) và các biến số khác như tỷ trọng sản lượng công nghiệp trong GDP (Y_{IND}/Y) và GDP bình quân đầu người (Y/P). Kết quả hồi qui như sau:

$$I/Y = 8,8 + 0,16r + 0,33Y_{IND}/Y + 1,28Y/P$$

(3,34) (3,54) (4,65) (2,59)

R² hiệu chỉnh: 0,39; Sai số chuẩn: 5,04; Trị số thống kê F: 14,87; Số trong ngoặc đơn là trị số thống kê T

Kết quả hồi qui cho thấy rằng tỷ suất sinh lợi đã có ảnh hưởng tích cực đến tỷ lệ đầu tư (hệ số hồi qui chi tiêu ngân sách cho đầu tư công dương). Khi tỷ suất sinh lợi từ đầu tư gia tăng thì làm cho tỷ lệ đầu tư cũng tăng theo, nghĩa là có tác dụng thúc đẩy đầu tư và tăng trưởng kinh tế.

Kết quả của mô hình trên một lần nữa cho thấy đầu tư công cho cơ sở hạ tầng sẽ thúc đẩy tăng trưởng chẳng những thông qua sự gia tăng suất sinh lợi từ đầu tư tư nhân mà còn do việc tạo ra mức đầu tư cao hơn nhờ có ảnh hưởng tích cực đối với suất sinh lợi đầu tư. Tóm lại, kết quả nghiên cứu của chúng tôi mô phỏng tác động của đầu tư công qua mô hình I/O cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu thực nghiệm qua mô hình hồi qui của GS. James Readell về tác động của đầu tư công đến thu hút đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế tại VN.

Kết luận

Kết quả áp dụng các mô hình trên đã lượng giá và chỉ ra vai trò tích cực của đầu tư cơ sở hạ tầng của nhà nước đối với tăng trưởng và thu hút đầu tư tư nhân. Tuy nhiên, các số liệu thống kê cho thấy đầu tư cơ sở hạ tầng chưa tương xứng với qui mô nền kinh tế TP.HCM. Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để tạo nguồn vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội thúc đẩy phát triển kinh tế? Trong kết luận của bài viết này, tác giả xin đưa ra một số gợi ý về tăng nguồn vốn ngân sách đầu tư phát triển hạ tầng cho một đô thị lớn như TP.HCM đó là:

(1) Cần tăng nguồn vốn ngân sách đầu tư cho cơ sở hạ tầng tương xứng với tăng trưởng kinh tế bằng cách TP.HCM phải có tỷ lệ chi ngân sách trong đó phải chú trọng đến chi đầu tư phát triển, tối thiểu cao hơn gấp 1,5 lần hiện tại. Trong điều kiện nguồn vốn ngân sách hạn hẹp, Chính phủ cần cho phép TP.HCM được sử dụng nguồn vốn từ quỹ đất đô thị một cách linh hoạt, hiệu quả để có được nguồn thu từ vốn được tạo ra từ tài nguyên đất này phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng. Đặc biệt TP.HCM có thể vận dụng mô hình “Đổi đất lấy hạ tầng” được áp dụng thành công tại Đà Nẵng. Một nguồn thu khác hỗ trợ nguồn thu trong nước cho đầu tư phát triển là nguồn vốn ODA. Chính phủ nên trao cho các thành phố lớn như TP.HCM một cơ chế vay trực tiếp nguồn vốn ODA và tự trả từ ngân sách địa phương, không phải theo cơ chế “xin” Trung ương như hiện nay.

(2) Để đảm bảo đầu tư vốn ngân sách có hiệu quả, giải pháp không kém phần quan trọng là tăng cường thẩm định và quản lý các dự án, đầu tư phải có lựa chọn, xếp thứ tự ưu tiên tránh trải thảm trải màn như hiện nay (có quá nhiều khu công nghiệp, và số xây dựng dở dang do thiếu vốn lớn).

(3) Ngoài ra, Chính phủ nên mở rộng quyền tự chủ về tài chính cho một số đô thị lớn như TP.HCM bằng cách hoàn thiện các điều khoản của Luật ngân sách để những đô thị lớn này có quyền quyết định nguồn thu và chi, đầu tư theo yêu cầu phát triển của địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế cả nước ■

Tài liệu tham khảo:

- 1/ James Riedel, Vai trò của Nhà nước và thị trường trong nền kinh tế VN-Dự án của UNDP, Hà Nội 2000
- 2/ Nguyễn Thị Cảnh, Tác động của đầu tư vốn ngân sách đến thu hút đầu tư tư nhân và tăng trưởng kinh tế tại TP.HCM, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ, ĐHQG TP.HCM, nghiệm thu năm 2004;
- 3/ Niên giám Thống kê TP.HCM và VN năm 2007